

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC CỦA NHẬT BẢN THỜI MINH TRỊ (1868 - 1912)

JAPAN'S EDUCATION POLICY DURING PERIOD OF MIKADO MEIJI (1868 - 1912)

Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Thị Hoàn
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Giáo dục Nhật Bản thời Minh Trị (1868 - 1912) là một trong những nhân tố quan trọng làm nên thành công của công cuộc hiện đại hóa Nhật Bản. Thực tế cho thấy rằng, để có một nền giáo dục phát triển, chính phủ Minh Trị đã xây dựng một hệ thống các chính sách giáo dục phù hợp với thực tiễn đất nước. Hiệu quả từ chính sách giáo dục đúng đắn đã góp phần làm nên sự phú quốc cường binh của Nhật Bản vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Vì vậy, trong phạm vi bài viết, tác giả đề cập đến chính sách giáo dục của Nhật Bản thời Minh Trị để từ đó thấy được đóng góp của chính sách này đối với sự phát triển của Nhật Bản vào nửa sau thế kỷ XIX.

Từ khóa: Minh Trị; Nhật Bản; giáo dục; chính sách.

ABSTRACT

Japan's education during period of Mikado Meiji (1868 - 1912) was one the most important factors to make Japan's modernization become success. In fact, so as to have a good development educational system, Mikado Meiji's administration built an education system with suitable policies for current country. Effects from suitable educational policies made Japan become richer in economy and more powerful in military at the end of Nineteen century and the early of Twenty century. So, in a small scope of this essay, author just mentions about the reformations, educational policies of Japan during the period of Mikado Meiji, and from that author also recommends some useful references for Vietnam.

Key words: Meiji; Japan; education; policy; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Vào nửa đầu thế kỷ XIX, các nước tư bản chuyển dần từ chủ nghĩa tư bản tự do sang thời kỳ đế quốc chủ nghĩa đồng thời tăng cường bành trướng mở rộng thị trường, thuộc địa. Chế độ phong kiến Nhật Bản đang vào giai đoạn khủng hoảng đứng trước nguy cơ trở thành đối tượng xâm lược của các nước tư bản phương Tây. Trước tình hình đó, năm 1868 Nhật Bản đã tiến hành canh tân đất nước với mục tiêu xây dựng một quốc gia “*phú quốc cường binh*”. Trong công cuộc canh tân đất nước, giáo dục được chính quyền Minh Trị nhận định là nhân tố then chốt để đưa Nhật Bản đuổi kịp và vượt các nước phương Tây. Vì vậy, chính phủ Minh Trị đã ban hành nhiều chính sách quan trọng góp phần vào chuyển đổi nền giáo dục Nhật Bản từ giáo dục Nho học sang giáo dục Tây học, giúp Nhật Bản tiếp cận với văn minh phương Tây và cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa Nhật Bản, từ đó vươn lên trở thành một quốc

gia hùng mạnh ở châu Á.

2. Nội dung

2.1. Lấy giáo dục truyền thống làm nền tảng tư tưởng

Trong văn hóa Nhật Bản, Nho giáo được coi là ý thức hệ chính thống được giai cấp thống trị sử dụng làm công cụ thống trị về mặt tinh thần đối với nhân dân. Nhưng với chính phủ Minh Trị, nó còn là một trong những nhân tố ý thức xã hội có ảnh hưởng quyết định tới mục tiêu của chính sách phát triển giáo dục. Nho giáo thời kì này được sử dụng tích cực trong việc tuyên truyền tư tưởng tôn trọng và thiết lập một tôn ti trật tự cứng nhắc trong gia đình cũng như xã hội. Nó còn là công cụ để bài trừ dị giáo, đào tạo ra một tầng lớp thống trị xã hội được học tập chu đáo để phục vụ cho nhà nước, trung thành với Thiên hoàng Minh Trị một cách tuyệt đối.

Quan điểm giáo dục mới được hình thành dưới thời Minh Trị với khẩu hiệu: “*Học tập văn minh phương Tây và bảo trì truyền*

thống Nhật Bản” [2, tr.89]. Theo khẩu hiệu này, nền giáo dục mới được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa nội dung, phương pháp của giáo dục phương Tây với tư tưởng giáo dục Nho học truyền thống của Nhật Bản. Giáo dục Nhật Bản rất coi trọng giáo dục truyền thống cho mọi tầng lớp nhân dân. Sử dụng truyền thống như là tiền đề cho hiện đại hóa, giúp cho quá trình nắm bắt sử dụng các thành tựu khoa học của phương Tây một cách có hiệu quả. Nho giáo vẫn là đạo quân thần, tôn giáo của mọi gia đình là thờ kính Hoàng gia, đề cao quyền gia trưởng,... Mặc dù tiếp thu các tư tưởng tiến bộ của phương Tây nhưng những giá trị đạo đức truyền thống của người Nhật vẫn được duy trì và đề cao nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp, nhà nước.

Trong bản *Kyogaku Taishi* (Các nguyên tắc giáo dục) được công bố năm 1879 thể hiện nguyện vọng của Nhật hoàng có nhân mạnh đến tầm quan trọng của giáo dục đạo đức truyền thống. Giáo dục đạo đức truyền thống “*nằm trong việc dạy cái thiện, tinh thần trách nhiệm, lòng trung thành, tính trung thực, dạy cho học sinh nắm vững kiến thức và nghệ thuật để có thể phục vụ được cho dân tộc. Nhưng hiện nay nhiều người chỉ đề cao tri thức và kỹ thuật vốn là sản phẩm của nền văn hóa khai sáng mà quên mất việc giữ gìn đạo đức và phá bỏ phong tục thói quen tốt đẹp*” [1, tr.45]. Nguyên tắc đầu tiên của canh tân là phá bỏ cái cũ và tìm kiếm tri thức. Tri thức của văn hóa phương Tây đã được chấp nhận và có tác dụng tích cực đối với Nhật Bản dưới thời Minh Trị Thiên hoàng nhưng vẫn không thể bỏ qua những nội dung truyền thống đạo đức Nhật Bản trong giáo dục. Thiên hoàng cho rằng nếu bỏ qua việc giáo dục cái thiện, tinh thần trách nhiệm của người dân đối với đất nước, đối với Thiên hoàng mà chỉ chú trọng hướng tới việc truyền bá lối sống kiểu phương Tây thì sợ rằng trong tương lai chẳng còn ai biết đến trách nhiệm giữa thần dân với Thiên hoàng nữa. Mục đích hàng đầu của Thiên hoàng vẫn là giáo dục cho người dân Nhật Bản thấy được trách nhiệm của thần dân đối với vua và đất nước. Với tư tưởng đó, năm 1890, Thiên hoàng

ban bố chiếu chỉ về giáo dục với tư tưởng trọng tâm là “*trung quân ái quốc*”. Đây là sự kết hợp giữa tư tưởng Nho giáo truyền thống Nhật Bản với tư tưởng giáo dục phương Tây hiện đại. Nho giáo Nhật Bản lấy “*ngũ luân*” làm cơ sở đạo đức mới, còn chủ nghĩa yêu nước được tiếp thu từ phương Tây đã hòa trộn với tư tưởng Nho giáo và “*trung quân*” trở thành đặc tính riêng của người Nhật. Đây chính là phương thuốc hiệu nghiệm trường sinh bất lão của chế độ chuyên chế Thiên hoàng.

Chính sách giáo dục truyền thống là nền tảng của Thiên hoàng trong giáo dục nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị mà đứng đầu là Thiên hoàng Minh Trị. Nó cột chặt thần dân với Thiên hoàng bằng những nghi lễ, những phong tục, đạo đức của Nho giáo. Chính sách này ảnh hưởng sâu sắc tới nội dung giáo dục Nhật Bản dưới thời Minh Trị. Về cơ bản, chính sách này chỉ phục vụ quyền lợi cho một bộ phận nắm quyền lãnh đạo trong bộ máy nhà nước thời Minh Trị chứ chưa phải vì quyền lợi của số đông quần chúng nhân dân.

2.2. Tiếp thu giáo dục phương Tây

Trong bối cảnh quốc tế và trong nước, chính quyền Minh Trị nhận thức được nguy cơ trở thành thuộc địa nếu không nhanh chóng hiện đại hóa đất nước để theo kịp các nước phương Tây. Vì vậy, khuyến khích và tiếp thu giáo dục phương Tây là một trong những chính sách quan trọng trong xây dựng và phát triển giáo dục. Chính sách này được nhận định là một bộ phận then chốt trong việc hình thành hình thái ý thức, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Nhật Bản trở thành một quốc gia độc lập và hùng mạnh. Giáo dục tiếp thu tri thức, kỹ thuật hiện đại của phương Tây sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu hiện đại hóa đất nước. Với tinh thần “*học tập phương Tây, đuổi kịp phương Tây, đi vượt phương Tây*” [4, tr.61] trên nền tảng “*kỹ thuật phương Tây, đạo đức Nhật Bản*” để thông qua đó xây dựng một hệ thống giáo dục kiểu mới đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Khi mới lên nắm chính quyền, Thiên hoàng Minh Trị đã cho công bố *Năm điều thề nguyện* (4 - 1868), trong đó điều thứ năm nêu rõ: “*Phải thu thập kiến thức trên thế giới để chấn hưng cơ bản của hoàng triều*” [3, tr.75]. Tư tưởng này tạo nền tảng cho việc xây dựng một nền giáo dục hiện đại dựa trên cơ sở học hỏi, tiếp thu kiến thức của các nước văn minh, tiến bộ trên thế giới. Đây như là một mệnh lệnh, là kim chỉ Nam cho Nhật Bản tiến hành công nghiệp hóa thời cận đại. Nó được thể hiện trong việc cử các phái đoàn ngoại giao đi tham quan học hỏi các nước phương Tây, gửi các học sinh và sinh viên xuất sắc đi du học, thuê chuyên gia nước ngoài về giảng dạy trong nước. Tất cả những việc làm này của chính quyền Minh Trị nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu thứ năm trong “*Năm điều thề nguyện*” của Thiên hoàng.

Dựa trên quan điểm của Thiên hoàng, khung chương trình giáo dục được xây dựng theo hướng xác lập theo mô hình của phương Tây rất phong phú và đa dạng trên cơ sở thống nhất về sách giáo khoa. Cùng với đổi mới chương trình, phương tiện dạy học cũng được trang bị gần giống với phương Tây. Bàn ghế học tập cho học sinh được nhập khẩu nguyên chiếc từ châu Âu và châu Mỹ, điều này đã gây tốn kém rất nhiều về mặt chi phí cho việc nhập khẩu phương tiện dạy học. Vì thế, đến giai đoạn sau Nhật Bản đã tiến hành tự sản xuất bàn ghế để sử dụng trong các trường học. Bảng đen và phấn viết là do người Nhật tự sản xuất để trang bị chủ yếu cho các trường tiểu học. Nhờ có những đổi mới bước đầu đã tạo tiền đề để Nhật Bản thực hiện nội dung và mục tiêu theo phương Tây.

Hướng đến thực hiện mục tiêu “*phú quốc cường binh*”, chính phủ Minh Trị đã trang bị kiến thức khoa học kỹ thuật cho đội ngũ trí thức trẻ và đi sâu vào thực học. Chính vì thế, chính phủ Minh Trị đã gửi các sinh viên trẻ có đạo đức và năng lực học tập ưu tú sang các nước có nền giáo dục phát triển để tìm hiểu, nghiên cứu những kiến thức tiên tiến nhất về áp dụng cho nước Nhật. Căn cứ vào ngành cần đào tạo, chính quyền Minh Trị đã biết lựa chọn các nước

có ngành học ưu tú nhất ở các trường đại học Âu - Mỹ để gửi lưu học sinh của mình đến đó học tập. Các sinh viên được nhà nước cử đi học ở nước ngoài sẽ được hưởng học bổng từ ngân sách chính phủ. Ngoài ra, chính phủ Minh Trị vẫn khuyến khích các công khanh triều đình và các quan chức chính phủ gửi con em của mình sang phương Tây du học. Những sinh viên sau khi du học về sẽ là hạt nhân để xây dựng nền khoa học kỹ thuật và văn hóa mới cho Nhật Bản. Không chỉ trực tiếp sang phương Tây học hỏi, Nhật Bản còn mời các giáo sư, giảng viên người nước ngoài sang giảng dạy, truyền bá kiến thức cho người Nhật, nhất là về kỹ thuật. Mục đích của chính phủ Minh Trị khi mời chuyên gia nước ngoài về giảng dạy không chỉ đơn thuần là sử dụng chất xám của chuyên gia mà muốn các chuyên gia nước ngoài đào tạo ra những chuyên gia người Nhật để Nhật Bản nhanh chóng tự lập trong việc phát triển hóa đất nước. Trong việc sử dụng chuyên gia nước ngoài, với tư cách là “*chủ nhà mời khách đến dạy*”, Nhật Bản đã không bị ám ảnh bởi mặc cảm họ là “*nạn nhân*” của làn sóng văn hóa du nhập từ phương Tây - là một mặc cảm khá phổ biến ở các nước châu Á trong giai đoạn này.

Từ mong muốn nhanh chóng hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhật Bản thành một quốc gia “*phú quốc cường binh*”, Nhật Bản đã lựa chọn con đường tiếp thu giáo dục phương Tây trong xây dựng và phát triển giáo dục. Tuy nhiên, trong khuyến khích và tiếp thu giáo dục phương Tây, người Nhật đã có sự chọn lọc cái cần thiết cho mình, chọn những nước tiên tiến nhất, những ngành, những lĩnh vực phát triển nhất ở phương Tây để học hỏi và tiếp thu. Nhật Bản coi tiếp thu văn minh phương Tây “*không phải là cứu cánh mà bất quá chỉ là một phương tiện*” [6, tr.127] để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa đất nước.

2.3. Sử dụng chuyên gia giáo dục nước ngoài và trí thức Tây học

Một trong những chính sách đúng đắn, được đánh giá cao trong những nguyên nhân làm

nên thành công của công cuộc Duy tân Minh Trị và phát triển giáo dục Nhật Bản là chính sách sử dụng chuyên gia giáo dục nước ngoài và trí thức Tây học trong phát triển giáo dục.

Sau khi lật đổ chính quyền Tokugawa, các nhà lãnh đạo chính quyền Minh Trị đang đứng trước nguy cơ bị thuộc địa hóa, sự tụt hậu về kinh tế, khoa học, công nghiệp so với các nước châu Âu. Trước thực trạng đó, chính quyền Minh Trị đã quyết tâm đẩy mạnh việc thuê chuyên gia nước ngoài nhằm rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến về mặt khoa học kỹ thuật. Chính sách thuê chuyên gia nước ngoài được Minh Trị cụ thể hóa trong sắc lệnh *Các điều khoản về việc tiếp nhận chuyên gia nước ngoài* ban hành tháng 2 - 1870. Sắc lệnh này đề cập đến những vấn đề liên quan đến việc thuê chuyên gia như luật pháp, hợp đồng, chế độ đãi ngộ, kinh phí, việc thực hiện và chấm dứt hợp đồng, ... Sự mở đường của chính phủ đã tạo điều kiện để nhiều chuyên gia nước ngoài đến Nhật Bản làm việc trong thời kỳ này. Theo thống kê của chính phủ, cho đến năm 1890, ở Nhật Bản có tới 3000 chuyên gia làm cố vấn cho nhà nước, riêng ngành giáo dục, số giáo sư đại học ngoại quốc Nhật Bản mời sang dạy trong thời Minh Trị (1868 - 1912) có khoảng 170 người, trong đó có 142 người đã sang Nhật trong khoảng 20 năm đầu thời Minh Trị [6, tr.124]. Các lĩnh vực giáo dục chủ yếu thuê chuyên gia giảng dạy là: Y học, khoa học tự nhiên và ngôn ngữ học. Trong đó, các chuyên gia người Đức chiếm 37,2%, Anh: 22,5%, Mĩ: 20,1%, Pháp: 13% [3, tr.226 - 227].

Nhận thức được vai trò của chuyên gia nước ngoài, chính phủ Minh Trị có chính sách khuyến khích đãi ngộ hợp lý bằng chế độ lương bổng thông qua việc bỏ ra một khoản kinh phí rất lớn để trả lương, ước tính chi phí chiếm khoảng 14% ngân sách quốc gia. Trong ngành giáo dục, lương chuyên gia nước ngoài cao hơn lương người Nhật rất nhiều, lương của một giáo viên nước ngoài nhiều hơn học phí của học sinh toàn trường không phải là chuyện hiếm hoi. Chi phí lương bổng cho chuyên gia nước ngoài là 534.493 Yên, vài năm sau lên đến một triệu Yên

chiếm một khoản lớn trong ngân sách giáo dục [4, tr.59]. Với mức kinh phí đã bỏ ra như vậy, cho nên khi sử dụng chuyên gia nước ngoài, chính phủ Minh Trị đã tận dụng triệt để đội ngũ này. Họ được mời tới Nhật Bản không chỉ làm nhiệm vụ giảng dạy, chuyên gia nước ngoài còn đóng vai trò to lớn trong việc khuyến khích thanh niên Nhật Bản ra nước ngoài du học, giới thiệu các trường thích hợp và chuẩn bị ngoại ngữ cho sinh viên trước khi du học. Khi các sinh viên du học về nước họ sẽ từng bước bàn giao lại công việc của họ cho các sinh viên làm quen và tiếp quản. Các chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy tại Nhật Bản đã gây được ảnh hưởng to lớn đối với nền giáo dục Nhật Bản. Ảnh hưởng của họ không chỉ gói gọn trong phạm vi về truyền bá kiến thức khoa học kỹ thuật phương Tây đến với người dân Nhật Bản mà còn tạo ra tầng lớp trí thức mới làm nền tảng cho việc xây dựng đất nước trong quá trình hiện đại hóa Nhật Bản.

Song song với vai trò của chuyên gia nước ngoài, tầng lớp trí thức Tây học cũng đóng một vai trò không nhỏ đối với công cuộc hiện đại hóa Nhật Bản. Các nhà lãnh đạo thời Minh Trị nhận thấy rằng chính sách sử dụng chuyên gia nước ngoài để giảng dạy về khoa học kỹ thuật cho nhân dân trong nước chỉ là một biện pháp nhất thời. Để có nguồn nhân lực dồi dào, tiếp thu về khoa học kỹ thuật thì phương pháp tốt nhất là gửi lưu học sinh của Nhật sang phương Tây để tiếp thu kiến thức và văn minh của phương Tây. Chính vì thế, số học sinh này được bộ Giáo dục giao cho các trường lựa chọn từ những học sinh giỏi, có đạo đức tốt để gửi đi du học. Các sinh viên này được đào tạo xong sẽ đóng vai trò tích cực trong sự nghiệp giáo dục, phổ biến kiến thức tiên tiến cho nhân dân trong nước, góp phần thực hiện thành công công cuộc phát triển đất nước. Công hiến quan trọng nhất của tầng lớp trí thức Tây học là đã góp phần đào tạo trí thức mới, bởi vì hầu hết lưu học sinh khi du học xong trở về nước sẽ trở thành những nhà khoa học đầu ngành của các trường đại học và trung tâm nghiên cứu Nhật Bản, cũng có nhiều người trở thành lãnh đạo các trường đại học, các

cơ sở khoa học và các hội khoa học. Trí thức Tây học khi được tiếp thu tinh thần khoa học phương Tây, họ đóng vai trò xã hội một cách tích cực, giúp cho chính quyền mới thực hiện các chính sách phát triển đất nước một cách tích cực, đúng đắn góp phần thúc đẩy quá trình dân chủ hóa xã hội Nhật Bản thời cận đại. Trí thức Tây học cũng phối hợp tích cực với chuyên gia nước ngoài, từng bước tiếp nhận vai trò của họ trong việc phát triển khoa học kỹ thuật và văn hóa Nhật Bản thời cận đại, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người dân Nhật Bản. Chính quyền Minh Trị đã có những chính sách tích cực, đúng đắn để sử dụng tốt nguồn nhân lực từ đội ngũ trí thức Tây học và xem đây là nguồn nhân lực mũi nhọn cho quá trình hiện đại hóa Nhật Bản thời cận đại.

Chính sách sử dụng chuyên gia nước ngoài và trí thức Tây học trong xây dựng và phát triển giáo dục là một chính sách đúng đắn của chính phủ Minh Trị. Nó được xây dựng trên cơ sở nhạy bén về tình hình trong nước và thế giới nhằm hướng đến thực hiện mục tiêu *“học tập phương Tây, đuổi kịp phương Tây, đi vượt phương Tây”*.

2.4. Mở rộng và phát triển giáo dục toàn dân

Để đuổi kịp và vượt các nước phương Tây cần có trình độ dân trí đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, chính phủ Minh Trị đã thực hiện chính sách rộng và phát triển giáo dục toàn dân nhằm nâng cao trình độ cho quần chúng nhân dân.

Việc thực hiện chính sách giáo dục cưỡng bức là một việc làm cần thiết để nâng cao trình độ học vấn của một dân tộc, tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân tiếp thu, học hỏi và xây dựng một nền văn minh cao hơn. Chính quyền Minh Trị muốn tất cả dân chúng đều có học thức như nhau, vì vậy, lệnh cưỡng bức giáo dục bắt buộc được ban bố, trẻ em bắt luận trai hay gái phải học ít nhất ba năm. Minh Trị chỉ rõ: *“Duy có môn học cao xa, là tùy theo tài năng của mỗi người, chớ như hạng tuổi nhỏ trẻ con, thì không hạn trai gái, tất phải cho chúng theo*

tiểu học hết, nếu không thể thì trách lỗi ở những kẻ phụ huynh” [5, tr.121]. Nhờ chính sách giáo dục cưỡng bức mà thành tích trong giáo dục trong giáo dục nâng lên đáng kể. Theo thống kê, năm 1873 mới chỉ có 28% tổng số dân cư ở tuổi đến trường đã đi học, nhưng đến năm 1882, chỉ số này đã là 50%, năm 1895 là 67% và năm 1904 đạt 98%. Những con số này cho thấy tính hiệu quả của chính sách giáo dục bắt buộc, qua đó cũng phản ánh nhu cầu học tập của người dân Nhật Bản. Đồng thời cũng thấy được rằng quần chúng nhân dân đã ủng hộ mạnh mẽ các kế hoạch của chính phủ nhằm xây dựng một nhà nước hiện đại gắn với sự nâng cao của trình độ dân trí.

Với phương châm *“học là chìa khóa thành công trong cuộc sống và không ai không cần đến giáo dục”* [7, tr.53], chính phủ Minh Trị đã xác định rõ đối tượng đi học trong thời kỳ này là tất cả mọi người dân Nhật Bản, từ quý tộc cho đến tầng lớp bình dân, không phân biệt nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính, miễn sao không có một người nào thất học: *“Không kể hoa tộc sỹ tộc, cùng là các hạng cày ruộng, làm nghề, đi buôn, cho đến đàn bà con gái cũng vậy, tất sao trong làng đừng còn một nhà nào không học, trong nhà đừng một người nào không học”* [5, tr.121]. Như vậy, chính sách giáo dục bắt buộc áp dụng cho mọi tầng lớp nhân dân nhằm đạt được kết quả cao nhất. Đối tượng đi học không tính tới vị trí xã hội, lý lịch hay giới tính. Qua đây cũng cho thấy sự quyết tâm của nhà nước trong việc nâng cao dân trí.

Khi chính sách giáo dục cưỡng bức được ban hành, số trẻ em đến trường tăng nhanh. Vì vậy, hệ thống trường lớp cũ thì không thể đáp ứng nhu cầu của người học. Nắm rõ được vấn đề này, một mặt chính phủ Minh Trị vẫn tạm duy trì chính sách giáo dục thời Tokugawa, nghĩa là tận dụng các đình chùa làm nơi dạy học. Mặt khác, chính phủ cho cấp tốc xây dựng các ngôi trường mới. Công việc này được tiến hành khẩn trương và gấp rút: *“Chỉ trong vòng ít tháng, toàn quốc đã mở ra trường học lối mới đầy dẫy, cộng có 8 trường đại học, 256 trường trung học, 53.760*

trường tiểu học” [5, tr.121]. Đây là một sự nỗ lực lớn của chính phủ và toàn thể nhân dân nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân mà không phải bất kì quốc gia nào cũng làm được như Nhật Bản.

Có đối tượng đi học đông đảo, hệ thống trường lớp đầy đủ, vấn đề đặt ra lúc này là phải có đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng. Nhằm đáp ứng nhu cầu về giáo viên giảng dạy, chính phủ đã quy định nếu ở đâu có cơ sở vật chất đầy đủ thì sẽ lập tại đấy những cơ sở sư phạm để huấn luyện giáo viên. Tùy theo nhu cầu mà chia làm hai khóa đào tạo dài hạn và cấp tốc. Khóa đào tạo giáo viên dài hạn tốn kém hơn nên nhà nước cung cấp kinh phí đào tạo, còn địa phương phải chịu kinh phí cho việc đào tạo ngắn hạn gọi là địa phương sư phạm. Chỉ trong vòng mười năm, từ 1872 - 1882, trên toàn quốc đã có 76 trường sư phạm được mở ra nhằm đào tạo giáo viên phục vụ cho ngành giáo dục. Việc thành lập các trường sư phạm ở cả trung ương và địa phương chứng tỏ sự phát triển rộng rãi của nền giáo dục, sự quan tâm của nhà nước và đóng góp của nhân dân để tạo điều kiện cho giáo dục phát triển.

Phát triển đất nước mang tính lâu dài, chính phủ Minh Trị nhận thức được vị trí và tầm quan trọng của nâng cao dân trí và xã hội hóa giáo dục. Các chính sách bước đầu đó đã góp

phần củng cố trình độ, nhận thức của nhân dân, tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa ở Nhật Bản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

3. Kết luận

Nhìn về lịch sử phát triển của Nhật Bản thời Minh Trị có thể khẳng định, trên cơ sở thực thi các chính sách giáo dục của chính phủ, giáo dục đã thực hiện tốt vai trò của mình trong đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhật Bản thành một quốc gia “*phù quốc cường binh*”, đưa Nhật Bản lên ngang hàng với các quốc gia Âu - Mỹ. Những thành tích đã đạt được là hệ quả tích cực từ những cải cách đổi mới, trong đó ngành giáo dục đóng vai trò là nhân tố then chốt. Chính vì vậy, Nhật Bản trở thành mẫu hình cho các quốc gia châu Á noi theo trong phát triển đất nước. Theo đó, coi trọng và xác định giáo dục là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của đất nước; giáo dục phải nhạy bén trước thời cuộc, phải kịp thời đáp ứng sự phát triển của xã hội; phải có chính sách đãi ngộ nhân tài, sử dụng nguồn chất xám hợp lý là những bài học từ chính sách giáo dục thời Minh Trị. Bài học từ sự thành công của giáo dục Nhật Bản sẽ là tấm gương tham chiếu cho quốc gia nào muốn sử dụng giáo dục làm tiền đề cho công cuộc hiện đại hóa đất nước, trong đó có Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Phương Hoa (2006), “Giáo dục Pháp - Việt ở Việt Nam giai đoạn 1906 - 1945 và cải cách giáo dục ở Nhật Bản thời Minh Trị”, *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, Số 4, Trang 41 - 47.
- [2] Đặng Thị Thanh Huyền (2001), *Giáo dục phổ thông với phát triển chất lượng nguồn nhân lực - Những bài học thực tiễn từ Nhật Bản*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Tiến Lực (2010), *Minh Trị Duy tân và Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Ngọc Nghiệp (2003), “Nhật Bản học tập phương Tây thời Minh Trị”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, Số 2, Trang 57 - 59, 60 - 61.
- [5] Đào Trinh Nhất (1936), *Nước Nhật Bản 30 năm sau Duy tân*, NXB Đắc Lập, Huế.
- [6] Vĩnh Sinh (1990), *Nhật Bản cận đại*, NXB Văn hóa Tùng Thư, Huế.
- [7] Trần Thị Tâm (2009), “Cải cách giáo dục ở Nhật Bản trong thời kỳ Minh Trị và vai trò của nó”, *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, Số 7, Trang 48 - 54.